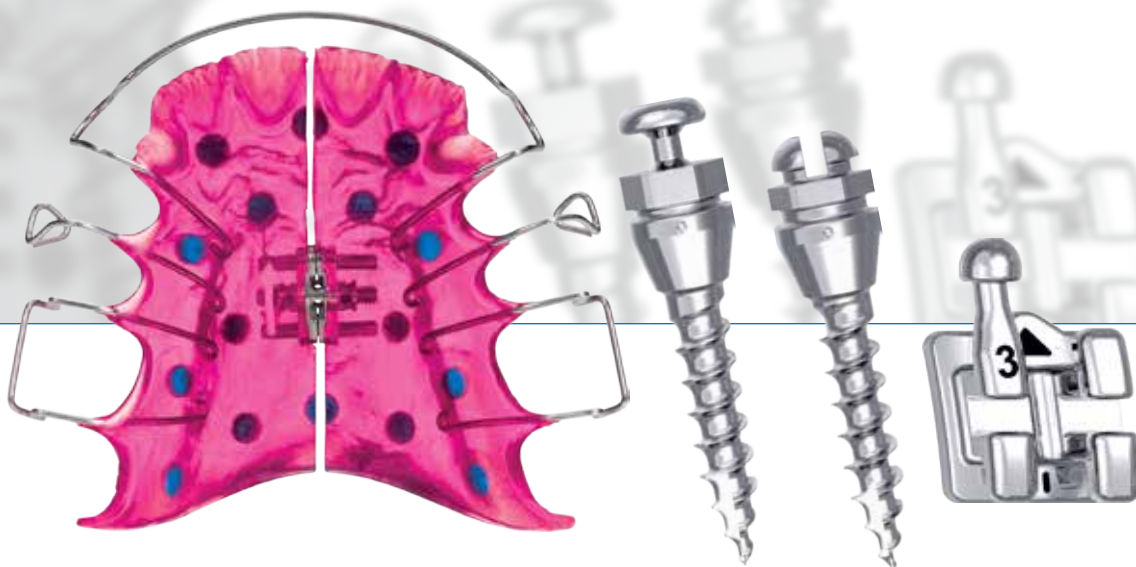


Catalog chỉnh nha 2017/ 2018

Đa dạng chính xác



Tập đoàn Dentaaurum

Germany | Benelux | España | France | Italia | Switzerland | Australia | Canada | USA
và hơn 130 quốc gia trên thế giới.



Kính gửi Quý khách hàng,

Chúng tôi tự hào đã có lịch sử phát triển nha khoa trên **130 năm**.

Từ rất sớm, chúng tôi đã đặt ra những yêu cầu cao nhất cho sản phẩm, từ phần thu mua nguyên liệu thô cho đến việc tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh.

Để đáp ứng những yêu cầu này, chúng tôi đã phát triển và sản xuất các sản phẩm tại Đức.

Sự đa dạng của dòng sản phẩm chỉnh nha áp dụng cho kỹ thuật chỉnh hình cố định cũng như tháo lắp đều mang tính đồng bộ trên toàn thế giới.

Với việc đưa sản phẩm discovery® pearl ra thị trường vào tháng 9 năm 2012, Dentaaurum đã thiết lập một chuẩn mực mới trong điều trị thẩm mỹ bằng mắc cài sứ với hình thức hoàn hảo vượt qua mọi ranh giới trước đây trong điều trị chỉnh nha thẩm mỹ, vì dường như không còn thấy sự hiện diện của mắc cài trên răng.

Chúng tôi là một trong số ít các nhà sản xuất cung cấp đồng bộ và đầy đủ các sản phẩm cho kỹ thuật chỉnh nha tháo lắp. Từ giai đoạn đổ mẫu thạch cao đến hoàn thành khí cụ tháo lắp, chúng tôi cung cấp tất cả các sản phẩm với chất lượng cao cấp nhất từ chính nhà máy của Dentaaurum.

Mark Stephen Pace
CEO Dentaaurum Group

Axel Winkelstroeter
CEO Dentaaurum Group



Mục lục:

Nội dung	trang
Giới thiệu	2
Tomas®	4 - 7
Kèm Premium-Line	8 - 13
Dynamique®c	14
Dynamique®m	15
Discovery® smart	16 - 17
Equilibrium® mini	18 - 19
Discovery® pearl	20 - 21
Dây cung	22 - 25
Amda®	26 - 27
Bản lề nhảy khớp Herbst	28 - 29
Buccal tubes	30 - 31
Ốc nở rộng	32 - 36
Vật liệu chỉnh nha khác	37 - 39
OrthoX®	40
Thông tin liên lạc	41 - 42



DENTAURUM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI



MADE IN
GERMANY



Nhanh chóng – dễ dàng – hiệu quả.

Hệ thống tomas®.

Tomas® là hệ thống neo chặn xương hoàn chỉnh hàng đầu trong chỉnh nha từ giai đoạn bắt đầu cho đến khi kết thúc quá trình điều trị. Hệ thống này cung cấp một giải pháp đơn giản cho bất kỳ chỉ định nào, với việc giảm đến mức tối thiểu các khí cụ chỉnh nha và lưu giữ, mang lại kết quả nhanh chóng, thuận tiện cho bác sĩ và bệnh nhân.

Dễ dàng và thẩm mỹ.

Các tomas®-pin cắm dễ dàng và nhanh chóng, cho dù có hoặc không có mũi khoan pre-drilling. Đầu pin có khe vạt pin kích thước 22, có chức năng như một neo chặn và thuận tiện cho các chuyển động răng. Sử dụng tomas®-pin làm tăng đáng kể sự thoải mái cho bệnh nhân, thông thường chỉ cần dùng với khâu bán phần. Các tomas®-pin được gắn cùng thời điểm với nhiều mắc cài và vì thế rút ngắn toàn bộ thời gian điều trị.



DENTAURUM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI



MADE IN
GERMANY

Thoải mái tuyệt vời trong điều trị.

Sản phẩm tomas® có tất cả mọi yếu tố cần thiết để áp dụng thành công, cách sử dụng đơn giản, dễ dàng:

- Chiều dài tomas®-pin khác nhau (6 mm, 8 mm, 10 mm).
- Đóng gói mới đơn giản với pin được vô trùng sẵn cho phép dùng trực tiếp trong miệng.
- Hệ thống mũi khoan hoàn chỉnh.
- Dụng cụ cầm bằng tay và máy.
- Có đầy đủ các phụ kiện kết nối (bộ phụ kiện tomas®).

Vật liệu.

Tomas®-pin được sản xuất từ vật liệu titanium grade 5 cho implant theo tiêu chuẩn ASTM* (TiAl6V4, Vật liệu số 3.7165). Vật liệu này được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực cấy ghép nha khoa vì tính tương hợp sinh học cao và có đầy đủ các nghiên cứu lâm sàng.

Tất cả các chỉ định được áp dụng cụ thể trên từng bệnh nhân. Các chỉ định chính của hệ thống tomas®-pin có thể được chia thành ba nhóm. Các khả năng liên kết và khe vận của pin tương tự như của một mắc cài mang lại sự tùy chỉnh linh hoạt và các giải pháp dễ dàng.

- Dịch chuyển răng chủ động.
- Ổn định răng thụ động.
- Điều trị tiền chỉnh nha.

Chỉ định.

Tomas®-pin SD và tomas®-pin EP được dùng để làm neo chặn chỉnh nha trong các ứng dụng điều trị sau đây:

- Di xa và di gần.
- Dựng thẳng răng cối.
- Đẩy răng ra sau.
- Đóng khoảng trong khớp cắn loại I.
- Dịch chuyển răng trong khớp cắn loại II.
- Ngăn ngừa răng cửa bị nhô ra trước.
- Nới rộng khẩu cái.
- Điều trị hội chứng thiếu răng Oligodontia.
- Thay đổi vị trí răng như là một giai đoạn điều trị trước khi làm phục hình.
- Neo chặn răng tạm.





tomas®-pins SD, chưa tiết trùng, có thể tiết trùng được, cắm trực tiếp

Chiều dài	Mã	Số lượng	Mã	Số lượng
6 mm	302-106-10	1 vít	302-106-30	10 vít
8 mm	302-108-10	1 vít	302-108-30	10 vít
10 mm	302-110-10	1 vít	302-110-30	10 vít

CE 0483

tomas®-pins EP, chưa tiết trùng, có thể tiết trùng được, cắm trực tiếp

Chiều dài	Mã	Số lượng	Mã	Số lượng
6 mm	302-206-10	1 vít	302-206-30	10 vít
8 mm	302-208-10	1 vít	302-208-30	10 vít
10 mm	302-210-10	1 vít	302-210-30	10 vít

CE 0483



Cây vận tomas®-pin

Có thể tiết trùng - Dùng để cắm tomas®-pin bằng tay.

REF 302-004-10	1 cái
----------------	-------

CE



Đầu vận tomas®-pin bằng máy

Có thể tiết trùng

Dùng để cắm tomas®-pin bằng máy với dụng cụ khóa torque.

Cài đặt giới hạn 10Ncm và 25 vòng/phút.

Dài: 22mm

REF 302-004-50	1 cái
----------------	-------

CE



Đầu vận tomas®-pin bằng máy, loại dài

Có thể tiết trùng

Dùng để cắm tomas®-pin bằng máy với dụng cụ khóa torque.

Cài đặt giới hạn 10Ncm và 25 vòng/phút.

Lý tưởng cho cắm ở vùng khẩu cái.

Dài: 26mm

REF 302-004-60	1 cái
----------------	-------

CE



Dụng cụ cắt nướu

Xử lý vô trùng để sử dụng 1 lần.

Dùng đục lỗ niêm mạc tại khu vực cắm tomas®-pin.

Đường kính: 2.0 mm

REF 302-001-00	4 cái
----------------	-------

CE 0086



Lò xo

Dùng để dựng thẳng và lún hoặc trôi răng cối.

Lò xo kéo Nickel Titanium với vòng đeo giúp kết nối tomas®-pin với hook.

Chiều dài: 8 mm (tính từ tâm của 2 vòng đeo).

Đường kính mặt trong: 0.90 mm/36

Lực kéo	Đường kính dây	Màu màu đóng gói	Mã	Số lượng
Nhẹ	0.21 mm / 8	Xanh dương	302-012-00	10 cái
Vừa	0.23 mm / 9	Vàng	302-012-10	10 cái
Nặng	0.23 mm / 9	Đỏ	302-012-20	10 cái

CE 0483



Ống chéo 22

Kết nối ngang giữa hai ống hình chữ nhật nhỏ để nối hai dây không hàn hoặc hàn.
Lý tưởng cho kết nối giữa tomas®-pin và dây cung.

Ống ngang:

Chiều dài tổng thể: 4.0 mm - Kích thước mặt trong: 0.56 x 0.70 mm / 22 x 28.

Ống dọc:

Chiều dài tổng thể: 2.0 mm - Kích thước mặt trong: 0.56 x 0.70 mm / 22 x 28.

REF 302-014-22	10 cái
----------------	--------

CE 0483



Power arm, vuông

Phân loại độ bền: dây đàn hồi cao, 1800 – 2000 N/mm²

Ống gắn có rãnh, uốn được với kích thước (0.55 x 0.70 mm / 21.5 x 28).

Có thể gắn trực tiếp lên dây cung, mà vẫn giữ được dây cung.

Sử dụng cho slot 018 / 022.

Lý tưởng cho kết nối giữa tomas®-pin và hook bấm trên dây cung.

Kích thước:

Chiều dài ống: 2.0 mm - Chiều dài dây: 25.0 mm.

REF 302-015-00	10 cái
----------------	--------

CE 0483



Lò xo dựng thẳng răng tomas®

Dùng để dựng thẳng và lún hoặc trôi răng cối.

REF 302-009-00	10 cái
----------------	--------

CE 0483



Hook

Dùng để gắn các dụng cụ đàn hồi (thun chuỗi, lò xo) vào đầu của tomas®-pin SD.

REF 302-009-10	10 cái
----------------	--------

CE 0483



Cây vặn torque

Có thể tiết trùng

Dùng để cầm tomas®-pin bằng tay, phải kết hợp với dụng cụ cho cây vặn torque (REF 302-004-20 / 302-004-70); lực torque nên giới hạn 10 Ncm.

REF 302-004-40	1 cái
----------------	-------

CE 0483



Dụng cụ cho cây vặn torque

Có thể tiết trùng

Dùng để cầm tomas®-pin bằng tay; chiều dài: 18 mm

REF 302-004-20	1 cái
----------------	-------

CE



Wheel

Có thể tiết trùng

Dùng để cầm tomas®-pin bằng tay, gắn vào dụng cụ cho cây vặn torque (REF 302-004-20 / 302-004-70); đường kính: 10.0 mm

REF 302-004-30	1 cái
----------------	-------

CE

Kềm Premium-Line.

Chất lượng hàng đầu - Chức năng tuyệt hảo

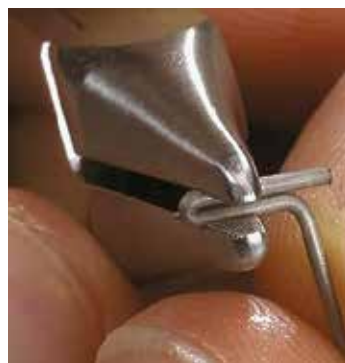


Một thiết kế đáp ứng mọi lĩnh vực điều trị.

Cho dù sử dụng kỹ thuật chỉnh nha tháo lắp hay cho phục hình thì thiết kế kềm Dentaurum đều đáp ứng mọi tiêu chuẩn cao cấp cần thiết. Người sử dụng luôn có thể tin tưởng vào chất lượng ổn định và độ tin cậy của sản phẩm.

Sản xuất tại Đức.

Với sự khéo léo và đầy kinh nghiệm của chúng tôi cùng hệ thống máy móc tối tân được áp dụng để sản xuất ra những cây kềm chất lượng cao và thực sự đúng với thương hiệu "Made in Germany". Chính vì vậy, kềm cao cấp Premium-Line của Dentaurum có tuổi thọ lâu dài.






PREMIUM
LINE

Bảo hành 10 năm



* Xem hướng dẫn làm sạch và bảo dưỡng kềm và dụng cụ Dentaaurum ở tài liệu hướng dẫn riêng mã số REF 989-590-20.

DENTAURUM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI



MADE IN
GERMANY

Kềm Premium-Line/ Kỹ thuật khí cụ cố định



**Kềm chuyên biệt để tháo mắc cài, Góc 45°
(Special bracket debonding plier, 45° angled)
Tiệt trùng được**
Dùng để tháo mắc cài và keo dán. Mặt cắt nghiêng 45°. Kềm có đầu kim loại cứng, lưỡi kềm được chế tạo đặc biệt.
Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 004-350-00	1 cây
----------------	-------



**Kềm tháo mắc cài
(Bracket removing plier)
Tiệt trùng được**
Dùng để tháo mắc cài ở giữa để mắc cài và keo dán. Kềm có đầu kim loại cứng, lưỡi kềm được chế tạo đặc biệt.
Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 003-349-00	1 cây
----------------	-------



**Kềm tháo khâu
(Oliver-Jones band removing plier)
Tiệt trùng được**
Với đầu nhựa thay thế được. Kềm có đầu kim loại cứng. Lưỡi kềm được chế tạo đặc biệt.
Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 026-347-00	1 cây
----------------	-------



**Kềm cắt dây cứng
(Side cutter Maxi)
Tiệt trùng được**
Đầu cắt làm bằng kim loại cứng
Khuyến cáo không nên sử dụng ở 1/3 ngoài lưỡi cắt để cắt dây với độ dày tối đa cho phép.
Độ dày tối đa của dây: 1.0 mm, cứng
Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 004-266-00	1 cây
----------------	-------



**Kềm cắt dây cung
(Ligature cutter)
Tiệt trùng được**
Đầu nhẵn độ chính xác cao cho việc cắt dây mềm. Kềm có đầu kim loại cứng. Khuyến cáo không nên sử dụng ở 1/3 ngoài lưỡi cắt để cắt dây với độ dày tối đa cho phép.
Độ dày tối đa của dây: 0.4 mm, mềm
Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 014-151-00	1 cây
----------------	-------



**Kềm cắt xa Mini
(Distal end cutter Mini)
Tiệt trùng được**
Dùng để cắt ngắn phần cuối dây cung trong kỹ thuật sử dụng nhiều mắc cài. Thiết kế tinh tế. Có bộ phận giữ dây. Đầu cắt làm bằng kim loại cứng.
Chiều dài: 12.0 cm
Độ dày tối đa của dây: 0.56x0.70 mm/ 22x28
Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 003-701-00	1 cây
----------------	-------



Kềm Premium-Line/ Kỹ thuật khí cụ cố định

Kềm đặt thun tách kẽ

(Separating plier)

Tiết trùng được

Dùng để mở rộng thun tách kẽ trước khi đặt thun.

Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 015-160-00	1 cây
----------------	-------

CE



Kềm How cong

(How plier, curved)

Tiết trùng được

Kiểm How cong đặc biệt phù hợp với vùng răng sau.

Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 003-111-00	1 cây
----------------	-------

CE



Kềm đóng loop

(Nance loop closing plier)

Tiết trùng được

Dùng để bẻ đóng loop và là kềm đặc biệt để bẻ khóa Adams.

Độ dày tối đa của dây: 0.7 mm, cứng

Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 001-002-00	1 cây
----------------	-------

CE



Kềm đầu búa

(Hammer head plier)

Tiết trùng được

Dùng để bẻ dây Ni-Ti trong vùng răng cối.

Hai đầu mỏ kềm khít sát nhau với 1 lưỡi và 1 rãnh ôm xung quanh dây cung Ni-Ti, nên phần cuối của dây đạt được độ cong yêu cầu với 1 lần xoắn kềm.

Độ dày tối đa của dây: 0.45 mm/18

0.41x 0.56 mm/16x22

Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 003-355-00	1 cây
----------------	-------

CE



Kềm mỏ chim Adam

(Adams plier Medium)

Tiết trùng được

Với 1 mỏ nhọn, vuông và 1 mỏ nhọn, tròn.

Chiều dài: 14.0 cm

Độ dày tối đa của dây: 0.7 mm, cứng

Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 003-516-00	1 cây
----------------	-------



Kềm 3 chấu

(Aderer 3 - Prong plier Medium)

Tiết trùng được

Chiều dài: 13.0 cm

Độ dày tối đa của dây: 0.9 mm, cứng

Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 003-200-00	1 cây
----------------	-------



Kềm uốn dây tiêu chuẩn

(Angle wire bending plier standard)

Tiết trùng được

Kềm được chế tạo cứng chắc với một mỏ hình nón và một mỏ hình chóp.

Độ dày tối đa của dây: 0.7 mm, cứng

Premium-Line • Bảo hành 10 năm

REF 003-139-00	1 cây
----------------	-------

CE



Kềm Premium-Line/ Kỹ thuật khí cụ cố định



Kềm uốn dây
(Angle/Tweed ribbon arch plier)
Tiết trùng được

Dùng lực xoắn để nối dây. Mở kềm song song tránh việc làm cho dây bị nghiền. Kềm có đầu kim loại cứng.
Độ dày tối đa của dây: 0.56 x 0.70 mm / 22 x 28
Premium-Line - Bảo hành 10 năm

REF 003-442-00	1 cây
----------------	-------



Kềm Weingart uốn dây
(Weingart universal plier)
Tiết trùng được

Dùng để đặt dây cung và uốn cong phần cuối của dây.
Đầu răng cưa của mỏ kềm bẻ khóa chính xác.
Kềm có đầu kim loại cứng.
Cũng thích hợp dùng để tháo keo dán mắc cài.
Độ dày tối đa của dây: 0.5 mm, cứng
Premium-Line - Bảo hành 10 năm

REF 003-120-00	1 cây
----------------	-------



Kềm Weingart uốn dây Mini
(Weingart universal plier Mini)
Tiết trùng được

Thiết kế thon gọn. Dùng để giữ và đặt dây cung.
Đầu răng cưa của mỏ kềm bẻ khóa chính xác.
Không thích hợp dùng để tháo keo dán.
Độ dày tối đa của dây: 0.5 mm, cứng
Premium-Line - Bảo hành 10 năm

REF 003-121-00	1 cây
----------------	-------



Kềm bẻ loop
(Nance loop bending plier)
Tiết trùng được

Với mỏ 4 bậc dùng để bẻ loop với các kích cỡ khác nhau trong dây tròn và dây vuông.
Độ dày tối đa của dây: 0.7 mm, cứng
Premium-Line - Bảo hành 10 năm

REF 000-001-00	1 cây
----------------	-------



Kềm bấm hook
(Crimping plier)
Tiết trùng được

Với đầu hình chữ "V" dùng để giữ và bấm các ống trượt/kẹp và cố định ống.
Premium-Line - Bảo hành 10 năm

REF 003-711-00	1 cây
----------------	-------



Kềm uốn dây
(Angle wire bending plier)
Tiết trùng được

Kềm được chế tạo cứng chắc với 1 mỏ hình nón và 1 mỏ hình chóp.
Đầu kềm bằng kim loại cứng.
Độ dày tối đa của dây: 0.7 mm, cứng
Premium-Line - Bảo hành 10 năm

REF 004-139-00	1 cây
----------------	-------



Kẹp giữ mắc cài (Crimping tweezers)

Tiệt trùng được

Dùng để đặt mắc cài.

Lưỡi ở cuối nhíp có thể dùng để chỉnh góc mắc cài.

Thiết kế tinh tế.

REF 025-277-00

1 cây



Dụng cụ cho mắc cài tự buộc (SI instrument)

Tiệt trùng được

Dùng để mở và đóng nắp mắc cài tự buộc discovery® sl, kỹ thuật Roth, và giữ dây cung dễ hơn.

Màu tay cầm: vàng

REF 023-276-00

1 cây



Cây cần khâu (Molar band seater)

Có thể tiệt trùng được đến tối đa 140°C/284°F

Với đầu nhựa có thể thay thế được và đầu tip kim loại cứng hình tam giác.

REF 026-354-00

1 cây



Thước gắn mắc cài (Bracket positioning gauge)

Tiệt trùng được

Đơn giản hóa việc gắn mắc cài lên răng theo vị trí chính xác giữa rãnh mắc cài và cạnh cần.

Với đầu tip bằng kim loại.

REF 030-390-00

1 cây



Kềm Mathieu (Needle holder Medium)

Tiệt trùng được

Lý tưởng để buộc thun.

Thiết kế tiện lợi và thiết thực với đầu kẹp có răng cưa.

REF 000-030-00

1 cây



Kẹp Có thể tiệt trùng được

Đặt thun buộc mắc cài.

REF 000-730-00

1 cây



Kẹp có hook Có thể tiệt trùng được

Dùng để đặt thun buộc mắc cài.

REF 000-731-00

1 cây



Mắc cài sứ tự buộc

Mắc cài sứ tự buộc dinamique® của Dentaureum có nhiều ưu điểm:

- Đối với bệnh nhân: các mắc cài mang lại sự thẩm mỹ hoàn hảo và cảm giác thoải mái khi mang.
- Đối với nha sĩ: dễ dàng thao tác và mang lại hiệu quả điều trị trong thời gian ngắn.

Phần màu đánh dấu có thể hòa tan.

Dễ dàng đặt vào đúng răng.

Khóa thụ động sang chủ động.

Kiểm soát lý tưởng trong suốt giai đoạn điều trị.

Để mắc cài phù hợp về giải phẫu học.

Khít sát hoàn hảo với răng.

Phần đế bằng oxit Aluminum được bo tròn.

Lưu giữ tốt, gắn và tháo mắc cài dễ dàng.

Thiết kế cánh tối ưu và cạnh được bo tròn.

Vô cùng thoải mái khi mang, buộc dễ dàng và linh hoạt.

Nắp bằng thép không gỉ được che phủ bằng Rhodium.

Độ bền lâu dài, dễ dàng đóng mở, thẩm mỹ cao.

Rãnh hướng dẫn kết hợp với nắp đóng.

An toàn trong suốt quá trình điều trị.

Tương thích hoàn hảo với màu răng tự nhiên

Thẩm mỹ hơn.

DENTAURUM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI



MADE IN
GERMANY

Mắc cài kim loại tự buộc

Mắc cài kim loại tự buộc dinamique[®]m của Dentaaurum thỏa mãn tất cả các yêu cầu khắt khe của hệ thống mắc cài tự buộc. Mắc cài mỏng sẽ giúp bệnh nhân cảm thấy thoải mái khi mang. An toàn và dễ sử dụng.

Thiết kế Hook đầu nắm.

Lưu giữ an toàn cho các loại thun buộc.

Phần màu đánh dấu có thể hòa tan.

Dễ dàng đặt vào đúng răng.

Khóa thụ động sang chủ động.

Kiểm soát lý tưởng trong suốt giai đoạn điều trị.

Để mắc cài phù hợp về giải phẫu học.

Vừa khít hoàn hảo với răng

Vùng lẹm cánh buộc lớn.

Lưu giữ an toàn cho các loại thun buộc.

Phần đế lưới được xoi mòn vi thể.

Lưu giữ tốt, gắn và tháo mắc cài dễ dàng.

Thiết kế thân thấp và cánh tối ưu.

Vô cùng thoải mái khi mang, buộc dễ dàng và linh hoạt.

Nắp bằng thép không gỉ

Độ bền lâu dài, dễ dàng đóng mở.

Rãnh hướng dẫn kết hợp với nắp đóng.

An toàn trong suốt quá trình điều trị.

Rãnh đánh dấu giữa mắc cài.

Dễ dàng đặt lên răng.

DENTAURUM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI



MADE IN
GERMANY

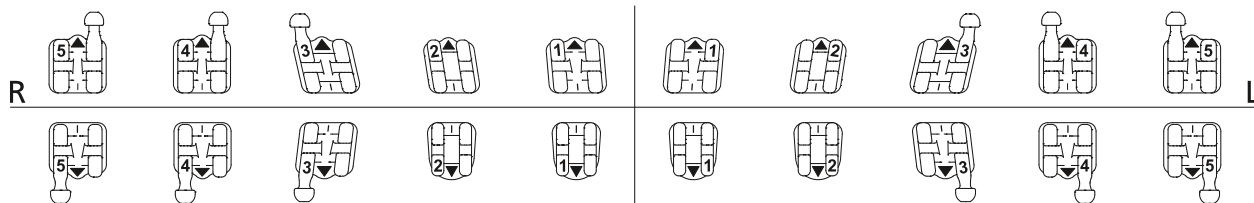
Nhỏ gọn và nổi bật



Roth 22 - Hook 345

Torque	- 7°	- 7°	- 2°	+ 8°	+ 12°	+ 12°	+ 8°	- 2°	- 7°	- 7°
Angulation	0°	0°	+ 13°	+ 9°	+ 5°	+ 5°	+ 9°	+ 13°	0°	0°
In/Out	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm
Width	2.8 mm	2.8 mm	2.8 mm	2.4 mm	2.8 mm	2.8 mm	2.4 mm	2.8 mm	2.8 mm	2.8 mm
REF	722-941-15	722-941-14	722-941-13	722-941-12	722-941-11	722-941-21	722-941-22	722-941-23	722-941-24	722-941-25
Quantity	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces

CE 0483



Torque	- 22°	- 17°	- 11°	- 1°	- 1°	- 1°	- 1°	- 11°	- 17°	- 22°
Angulation	0°	0°	+ 7°	0°	0°	0°	0°	+ 7°	0°	0°
In/Out	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	1.3 mm	1.3 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm
Width	2.8 mm	2.8 mm	2.8 mm	2.3 mm	2.3 mm	2.3 mm	2.3 mm	2.8 mm	2.8 mm	2.8 mm
REF	722-941-45	722-941-44	722-941-43	722-901-42	722-901-41	722-901-31	722-901-32	722-941-33	722-941-34	722-941-35
Quantity	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces

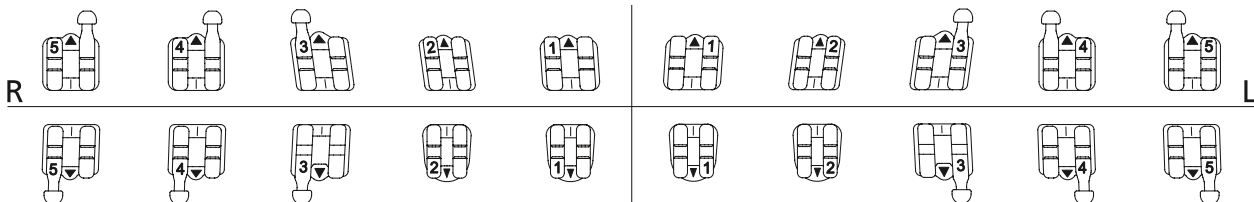
Assortments:

1 case	20 brackets	REF 722-941-01
10 cases	200 brackets	REF 722-941-10
50 cases	1000 brackets	REF 722-941-50

MBT 22 - Hook 345

Torque	- 7°	- 7°	0°	+ 10°	+ 17°	+ 17°	+ 10°	0°	- 7°	- 7°
Angulation	0°	0°	+ 8°	+ 8°	+ 4°	+ 4°	+ 8°	+ 8°	0°	0°
In/Out	1.2 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.2 mm
Width	2.8 mm	2.8 mm	2.8 mm	2.4 mm	2.8 mm	2.8 mm	2.4 mm	2.8 mm	2.8 mm	2.8 mm
REF	722-942-15	722-942-14	722-942-13	722-902-12	722-902-11	722-902-21	722-902-22	722-942-23	722-942-24	722-942-25
Quantity	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces

CE 0483



Torque	- 17°	- 12°	0°	- 6°	- 6°	- 6°	- 6°	0°	- 12°	- 17°
Angulation	+ 2°	+ 2°	+ 3°	0°	0°	0°	0°	+ 3°	+ 2°	+ 2°
In/Out	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	1.3 mm	1.3 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm
Width	2.8 mm	2.8 mm	2.8 mm	2.3 mm	2.3 mm	2.3 mm	2.3 mm	2.8 mm	2.8 mm	2.8 mm
REF	722-942-45	722-942-44	722-942-43	722-902-42	722-902-41	722-902-31	722-902-32	722-942-33	722-942-34	722-942-35
Quantity	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces

** Cách đóng gói mắc cài Dentaureum này không giống như các loại khác, cũng không là gợi ý của Dentaureum mà tất cả được xác nhận bởi Drs. McLaughlin, Bennett and Trevisi.

Assortments:

1 case	20 brackets	REF 722-942-01
10 cases	200 brackets	REF 722-942-10
50 cases	1000 brackets	REF 722-942-50

equilibrium[®] mini

Mắc cài tí hon.



Hình dáng thấp giúp bệnh nhân
thoải mái hơn

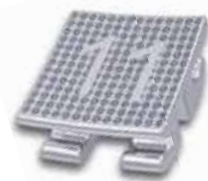
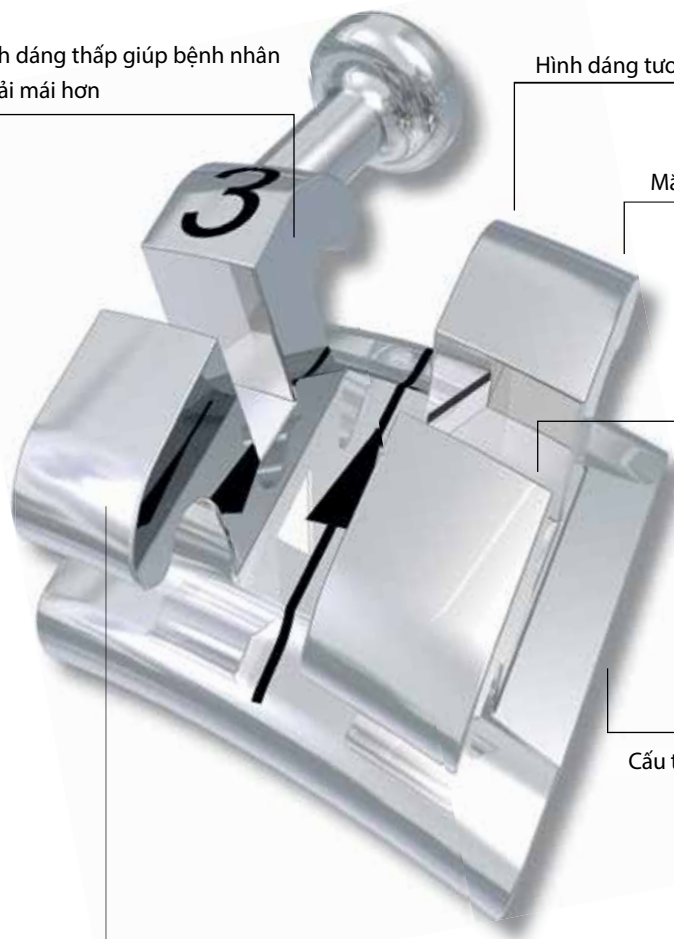
Hình dáng tương thích theo giải phẫu

Mắc cài nguyên khối cho độ tương hợp sinh học cao

Khe mắc cài với độ ma sát thấp

Cấu trúc laser được cấp bằng sáng chế với ký hiệu FDI

Bờ tròn. Cánh buộc có độ lưu lớn



DENT A URUM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI

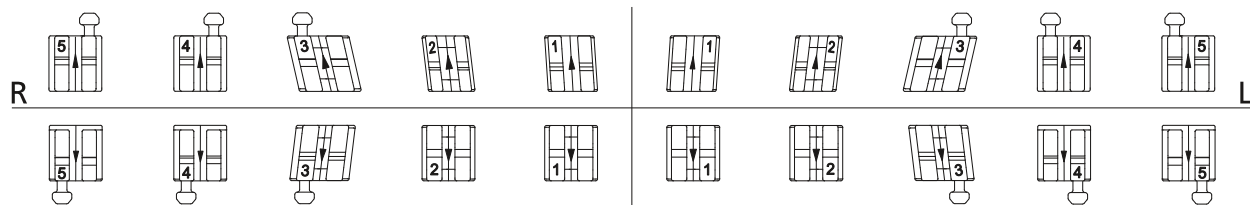


MADE IN
GERMANY

Roth 22 - Hook 345

Torque	- 7°	- 7°	- 2°	+ 8°	+ 12°	+ 12°	+ 8°	- 2°	- 7°	- 7°
Angulation	0°	0°	+ 13°	+ 9°	+ 5°	+ 5°	+ 9°	+ 13°	0°	0°
In/Out	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm
Width	2.4 mm	2.4 mm	2.4 mm	2.2 mm	2.4 mm	2.4 mm	2.2 mm	2.4 mm	2.4 mm	2.4 mm
REF	722-441-15	722-441-14	722-441-13	722-401-12	722-401-11	722-401-21	722-401-22	722-441-23	722-441-24	722-441-25
Quantity	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces

CE 0483



Torque	- 22°	- 17°	- 11°	- 1°	- 1°	- 1°	- 1°	- 11°	- 17°	- 22°
Angulation	0°	0°	+ 7°	0°	0°	0°	0°	+ 7°	0°	0°
In/Out	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	1.3 mm	1.3 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm
Width	2.4 mm	2.4 mm	2.4 mm	2.2 mm	2.2 mm	2.2 mm	2.2 mm	2.4 mm	2.4 mm	2.4 mm
REF	722-441-45	722-441-44	722-441-43	722-401-42	722-401-41	722-401-31	722-401-32	722-441-33	722-441-34	722-441-35
Quantity	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces

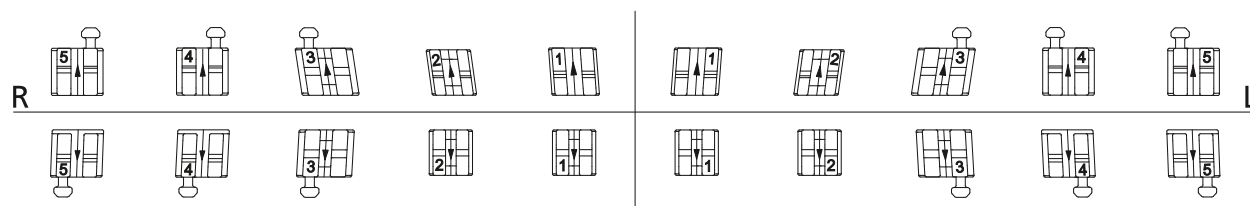
Assortments:

1 case	20 brackets	REF 722-441-01
10 cases	200 brackets	REF 722-441-10
50 cases	1000 brackets	REF 722-441-50

MBT 22 - Hook 345

Torque	- 7°	- 7°	0°	+ 10°	+ 17°	+ 17°	+ 10°	0°	- 7°	- 7°
Angulation	0°	0°	+ 8°	+ 8°	+ 4°	+ 4°	+ 8°	+ 8°	0°	0°
In/Out	1.2 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.2 mm
Width	2.4 mm	2.4 mm	2.4 mm	2.2 mm	2.4 mm	2.4 mm	2.2 mm	2.4 mm	2.4 mm	2.4 mm
REF	722-442-15	722-442-14	722-442-13	722-402-12	722-402-11	722-402-21	722-402-22	722-442-23	722-442-24	722-442-25
Quantity	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces

CE 0483



Torque	- 17°	- 12°	0°	- 6°	- 6°	- 6°	- 6°	0°	- 12°	- 17°
Angulation	+ 2°	+ 2°	+ 3°	0°	0°	0°	0°	+ 3°	+ 2°	+ 2°
In/Out	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm	1.3 mm	1.3 mm	1.3 mm	1.3 mm	0.7 mm	0.7 mm	0.7 mm
Width	2.4 mm	2.4 mm	2.4 mm	2.2 mm	2.2 mm	2.2 mm	2.2 mm	2.4 mm	2.4 mm	2.4 mm
REF	722-442-45	722-442-44	722-442-43	722-402-42	722-402-41	722-402-31	722-402-32	722-442-33	722-442-34	722-442-35
Quantity	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces	10 pieces

** Cách đóng gói mắc cài Dentaaurum này không giống như các loại khác, cũng không là gợi ý của Dentaaurum mà tất cả được xác nhận bởi Drs. McLaughlin, Bennett and Trevisi.

Assortments:

1 case	20 brackets	REF 722-442-01
10 cases	200 brackets	REF 722-442-10
50 cases	1000 brackets	REF 722-442-50



Đẹp tự nhiên



Chất lượng tối ưu và thẩm mỹ tự nhiên

Discovery® pearl vượt qua mọi ranh giới trước đó của thẩm mỹ, chất lượng và hiệu quả. Khi được gắn vào răng, discovery® pearl thích hợp hoàn toàn với môi trường tự nhiên của răng do hình dạng thiết kế và độ trong mờ cao.

Các mắc cài được làm hoàn toàn từ sứ mà không có chút kim loại nào trong phần rãnh. Discovery® pearl được thiết kế nguyên khối và sản xuất theo kỹ thuật "tiên tiến, hiện đại", sử dụng quy trình CIM. Các đế mắc cài được thiết kế tối ưu phù hợp với đường viền răng nhờ sử dụng công nghệ CAD (Computer-Aided Design), cho phép dễ dàng đặt lên răng. Ngoài ra, hệ thống đánh dấu màu rõ ràng trên cánh mắc cài và ký hiệu FDI trên để tạo điều kiện xác định răng cụ thể cho mỗi mắc cài. Các cánh mắc cài giúp cho giai đoạn xếp thẳng và đặt mắc cài dễ dàng.

Các cải tiến cấu trúc để xử lý laser đảm bảo liên kết mạnh mẽ, cho phép tháo an toàn, tin cậy và đảm bảo rằng discovery® pearl sẽ điều trị tối ưu, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cho chỉnh nha thẩm mỹ.

DENTAURUM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI



MADE IN
GERMANY



Roth 18/22

Hook răng 3 · với hướng dẫn định vị

Răng	REF (18)	REF (22)	Số lượng
13-11/21-23	718-701-03	722-701-03	1 bộ = 6 cái
15-11/21-25	718-701-05	722-701-05	1 bộ = 10 cái

Răng	REF (18)	REF (22)	Số lượng
13-11/21-23/43-41/31-33	718-701-63	722-701-63	1 bộ = 12 cái
15-11/21-25/45-41/31-35	718-701-65	722-701-65	1 bộ = 20 cái

CE 0483

Slot 18: 0.46 x 0.76 mm / 18 x 30
Slot 22: 0.56 x 0.76 mm / 22 x 30



MBT 18/22

Hook răng 3 · với hướng dẫn định vị

Răng	REF (18)	REF (22)	Số lượng
13-11/21-23	718-702-03	722-702-03	1 bộ = 6 cái
15-11/21-25	718-702-05	722-702-05	1 bộ = 10 cái

Răng	REF (18)	REF (22)	Số lượng
13-11/21-23/43-41/31-33	718-702-63	722-702-63	1 bộ = 12 cái
15-11/21-25/45-41/31-35	718-702-65	722-702-65	1 bộ = 20 cái

CE 0483

Slot 18: 0.46 x 0.76 mm / 18 x 30
Slot 22: 0.56 x 0.76 mm / 22 x 30

** Cách đóng gói mắc cài Dentaaurum này không giống như các loại khác, cũng không là gợi ý của Dentaaurum mà tất cả được xác nhận bởi Drs. McLaughlin, Bennett and Trevisi.



Hình ảnh phóng đại của mắc cài.

Thiết kế của mắc cài discovery® pearl đã được chứng minh là thành công qua nhiều năm. Cánh buộc mắc cài bo tròn tạo được cảm giác thoải mái cho bệnh nhân và đồng thời cung cấp đủ không gian cho việc buộc thun đôi.



Hình ảnh phóng đại của đế.

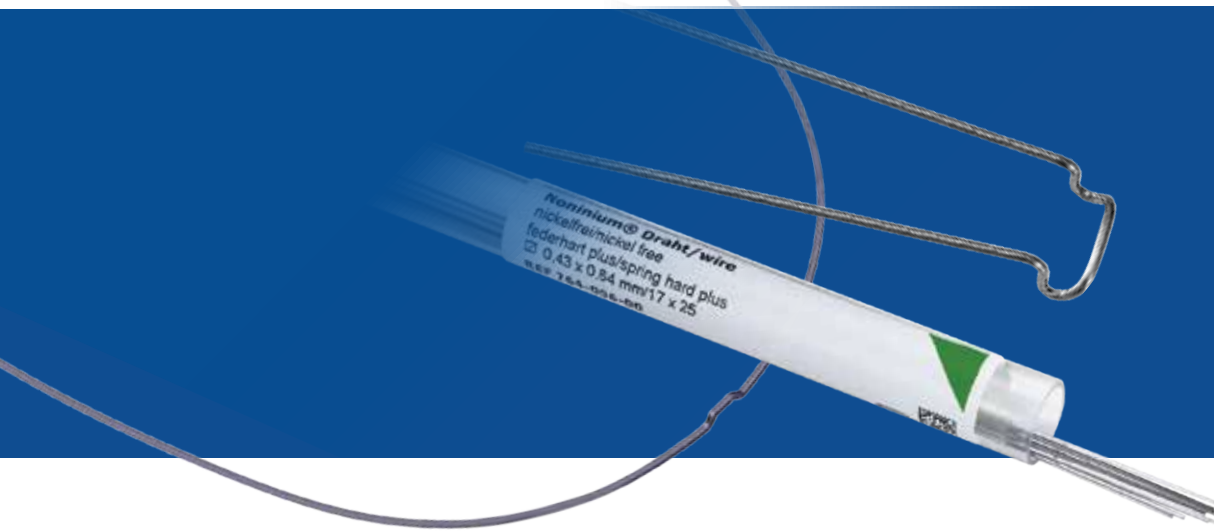
Cấu trúc đế khắc laser đã được phát triển bởi Dentaaurum và được sử dụng thành công qua nhiều năm với mắc cài kim loại. Nó cung cấp sự tin cậy và an toàn trong việc dán dính cũng như đảm bảo dễ dàng trong quá trình tháo.



Quan điểm lâm sàng.

Theo quan điểm của bệnh nhân, thì không thể có sự thẩm mỹ hơn. Mắc cài discovery® pearl tương hợp sinh học tốt với môi trường miệng, cung cấp giải pháp hoàn hảo cho những bệnh nhân có nhu cầu thẩm mỹ cao.

Dây cung

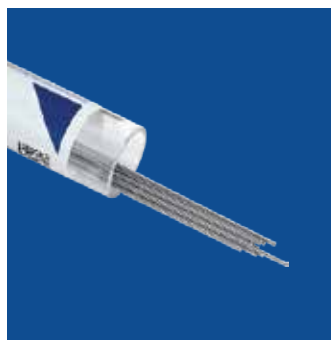


Dây cung cho tất cả các loại điều trị.

Sự lựa chọn dây cung có ảnh hưởng quyết định về tiến độ tối ưu của một điều trị chỉnh hình. Đó là lý do tại sao Dentaurem cung cấp một loạt các dây cung chất lượng cao làm bằng vật liệu khác nhau để điều trị tất cả các trường hợp.

Bộ dây Dentaurem không chỉ bao gồm dây cho các kỹ thuật cố định, mà còn cho các labo chỉnh nha - từ dây đơn giản trong labo để uốn ngay lập tức đến sử dụng cho các khí cụ tháo lắp.

Ngoài ra, các chương trình thiết kế dây cung được hoàn thành bởi các vật liệu tương hợp sinh học cao như Noninium® hoặc REMA-titan® ĐẶC BIỆT. Những vật liệu này là sự bổ sung hoàn hảo cho mắc cài không nikel và kết hợp một điều trị không nikel cho bệnh nhân dị ứng và nhạy cảm.



DENTAUREM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI



MADE IN
GERMANY

Dây rematitan® sl ideal, chữ nhật

Phân loại độ bền: siêu đàn hồi

Mã màu đóng gói: cam.

Đánh dấu đường giữa: phần lõm



F	Chiều dài	KT đường chéo.	REF	Số lượng
0.41 x 0.41 mm / 16 x 16			766-278-00	10 dây
0.41 x 0.56 mm / 16 x 22			766-280-00	10 dây
0.43 x 0.64 mm / 17 x 25			766-282-00	10 dây
0.48 x 0.64 mm / 19 x 25			766-284-00	10 dây



F	Chiều dài	KT đường chéo.	REF	Số lượng
0.41 x 0.41 mm / 16 x 16			766-279-00	10 dây
0.41 x 0.56 mm / 16 x 22			766-281-00	10 dây
0.43 x 0.64 mm / 17 x 25			766-283-00	10 dây
0.48 x 0.64 mm / 19 x 25			766-285-00	10 dây

Dây thẳng dentaflex®, tròn, có 3 dây xoắn

Phân loại độ bền: dây đàn hồi siêu cao · 2500–2700 N/mm²

Mã màu đóng gói: đỏ



Ø	Chiều dài	KT đường chéo.	REF	Số lượng
0.38 mm / 15	1 dây 380 mm		545-738-00	10 dây
0.45 mm / 18	1 dây 380 mm		545-745-00	10 dây
0.50 mm / 20	1 dây 380 mm		545-750-00	10 dây

CE 0483

Dây thẳng dentaflex®, tròn, có 6 dây đồng trục

Phân loại độ bền: dây đàn hồi siêu cao · 2500–2700 N/mm²

Mã màu đóng gói: đỏ



Ø	Chiều dài	KT đường chéo.	REF	Số lượng
0.38 mm / 15	1 dây 380 mm		545-638-00	10 dây
0.45 mm / 18	1 dây 380 mm		545-645-00	10 dây

CE 0483

Dây thẳng remanium®, chữ nhật

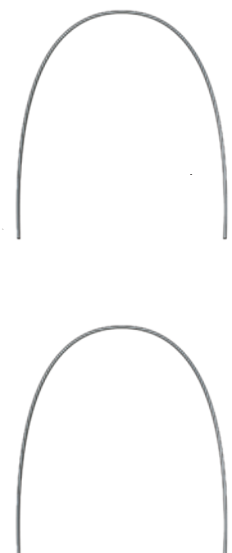
Phân loại độ bền: dây đàn hồi rất cao · 2000–2300 N/mm²

Mã màu đóng gói: đỏ



F	Chiều dài	KT đường chéo.	REF	Số lượng
0.41 x 0.41 mm / 16 x 16	1 dây 380 mm	0.54 mm	537-440-00	10 dây
0.41 x 0.56 mm / 16 x 22	1 dây 380 mm	0.62 mm	537-410-00	10 dây
0.43 x 0.56 mm / 17 x 22	1 dây 380 mm	0.64 mm	537-411-00	10 dây
0.43 x 0.64 mm / 17 x 25	1 dây 380 mm	0.70 mm	537-413-00	10 dây
0.46 x 0.64 mm / 18 x 25	1 dây 380 mm	0.71 mm	537-414-00	10 dây
0.55 x 0.64 mm / 21.5 x 25	1 dây 380 mm	0.76 mm	537-423-00	10 dây
0.55 x 0.70 mm / 21.5 x 28	1 dây 380 mm	0.81 mm	537-424-00	10 dây

CE 0483



Dây cung Noninium® White ideal, chữ nhật

Phân loại độ bền: dây đàn hồi rất cao · 2000–2300 N/mm²

Mã màu đóng gói: xanh lá

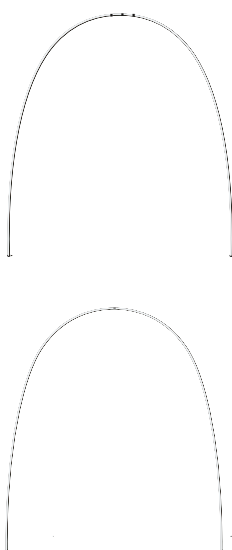
Đánh dấu đường giữa: không có

F	Chiều dài	KT Đường chéo.	REF	Số lượng
0.41 x 0.41 mm / 16 x 16		0.54 mm	768-006-00	3 dây
0.41 x 0.56 mm / 16 x 22		0.62 mm	768-008-00	3 dây
0.43 x 0.64 mm / 17 x 25		0.70 mm	768-010-00	3 dây
0.53 x 0.64 mm / 21 x 25		0.76 mm	768-012-00	3 dây

F	Chiều dài	KT Đường chéo.	REF	Số lượng
0.41 x 0.41 mm / 16 x 16		0.54 mm	768-007-00	3 dây
0.41 x 0.56 mm / 16 x 22		0.62 mm	768-009-00	3 dây
0.43 x 0.64 mm / 17 x 25		0.70 mm	768-011-00	3 dây
0.53 x 0.64 mm / 21 x 25		0.76 mm	768-013-00	3 dây

CE 0483

** Độ phóng thích Nickel ≤ 0.2% theo quy trình sản xuất



Dây Tensic® ideal, tròn

Phân loại độ bền: siêu đàn hồi.

Mã màu đóng gói: cam.

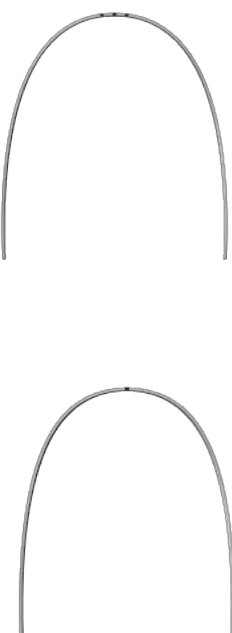
Đánh dấu đường giữa: hàm trên 3 chấm.

ø	Chiều dài	KT Đường chéo.	REF	Số lượng
0.30 mm / 12			766-700-00	10 dây
0.35 mm / 14			766-702-00	10 dây
0.40 mm / 16			766-704-00	10 dây
0.45 mm / 18			766-706-00	10 dây

Đánh dấu đường giữa: hàm dưới 1 chấm

ø	Chiều dài	KT Đường chéo.	REF	Số lượng
0.30 mm / 12			766-701-00	10 dây
0.35 mm / 14			766-703-00	10 dây
0.40 mm / 16			766-705-00	10 dây
0.45 mm / 18			766-707-00	10 dây

CE 0483



Dây Tensic® ideal, chữ nhật

Phân loại độ bền: siêu đàn hồi.

Mã màu đóng gói: cam.

Đánh dấu đường giữa: hàm trên 3 chấm.

F	Chiều dài	KT Đường chéo.	REF	Số lượng
0.41 x 0.41 mm / 16 x 16		0.54 mm	766-710-00	10 dây
0.41 x 0.56 mm / 16 x 22		0.62 mm	766-712-00	10 dây
0.43 x 0.64 mm / 17 x 25		0.70 mm	766-714-00	10 dây
0.46 x 0.64 mm / 18 x 25		0.71 mm	766-716-00	10 dây
0.48 x 0.64 mm / 19 x 25		0.73 mm	766-718-00	10 dây
0.53 x 0.64 mm / 21 x 25		0.76 mm	766-720-00	10 dây

Đánh dấu đường giữa: hàm dưới 1 chấm

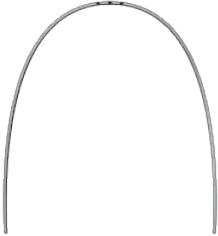
F	Chiều dài	KT Đường chéo.	REF	Số lượng
0.41 x 0.41 mm / 16 x 16		0.54 mm	766-711-00	10 dây
0.41 x 0.56 mm / 16 x 22		0.62 mm	766-713-00	10 dây
0.43 x 0.64 mm / 17 x 25		0.70 mm	766-715-00	10 dây
0.46 x 0.64 mm / 18 x 25		0.71 mm	766-717-00	10 dây
0.48 x 0.64 mm / 19 x 25		0.73 mm	766-719-00	10 dây
0.53 x 0.64 mm / 21 x 25		0.76 mm	766-721-00	10 dây

Dây remanium® ideal, chủ nhật

Phân loại độ bền: dây đàn hồi rất cao · 2000–2300 N/mm²

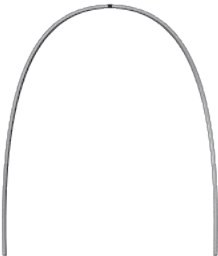
Mã màu đóng gói: đỏ

Đánh dấu đường giữa: hàm trên 3 chấm



F	Chiều dài	KT Đường chéo.	REF	Số lượng
0.41 x 0.41 mm / 16 x 16		0.54 mm	767-100-00	10 dây
0.41 x 0.41 mm / 16 x 16		0.54 mm	767-100-01	50 dây
0.41 x 0.56 mm / 16 x 22		0.62 mm	767-101-00	10 dây
0.41 x 0.56 mm / 16 x 22		0.62 mm	767-101-01	50 dây
0.43 x 0.56 mm / 17 x 22		0.64 mm	767-102-00	10 dây
0.43 x 0.64 mm / 17 x 25		0.70 mm	767-103-00	10 dây
0.43 x 0.64 mm / 17 x 25		0.70 mm	767-103-01	50 dây
0.46 x 0.64 mm / 18 x 25		0.71 mm	767-104-00	10 dây
0.48 x 0.64 mm / 19 x 25		0.73 mm	767-105-00	10 dây
0.48 x 0.64 mm / 19 x 25		0.73 mm	767-105-01	50 dây
0.55 x 0.64 mm / 21.5 x 25		0.76 mm	767-106-00	10 dây
0.55 x 0.70 mm / 21.5 x 28		0.81 mm	767-107-00	10 dây

Đánh dấu đường giữa: hàm dưới 1 chấm



F	Chiều dài	KT Đường chéo.	REF	Số lượng
0.41 x 0.41 mm / 16 x 16		0.54 mm	767-200-00	10 dây
0.41 x 0.41 mm / 16 x 16		0.54 mm	767-200-01	50 dây
0.41 x 0.56 mm / 16 x 22		0.62 mm	767-201-00	10 dây
0.41 x 0.56 mm / 16 x 22		0.62 mm	767-201-01	50 dây
0.43 x 0.56 mm / 17 x 22		0.64 mm	767-202-00	10 dây
0.43 x 0.64 mm / 17 x 25		0.70 mm	767-203-00	10 dây
0.43 x 0.64 mm / 17 x 25		0.70 mm	767-203-01	50 dây
0.46 x 0.64 mm / 18 x 25		0.71 mm	767-204-00	10 dây
0.48 x 0.64 mm / 19 x 25		0.73 mm	767-205-00	10 dây
0.48 x 0.64 mm / 19 x 25		0.73 mm	767-205-01	50 dây
0.55 x 0.64 mm / 21.5 x 25		0.76 mm	767-206-00	10 dây
0.55 x 0.70 mm / 21.5 x 28		0.81 mm	767-207-00	10 dây

CE 0483

Dây dentaflex® ideal, tròn, có 3 dây xoắn

Phân loại độ bền: dây đàn hồi siêu cao · 2500–2700 N/mm²

Đánh dấu đường giữa: hàm trên 3 chấm



ø	Chiều dài	KT Đường chéo.	REF	Số lượng
0.38 mm / 15			766-120-00	10 dây
0.38 mm / 15			766-120-01	50 dây
0.45 mm / 18			766-122-00	10 dây
0.45 mm / 18			766-122-01	50 dây
0.50 mm / 20			766-124-00	10 dây

Đánh dấu đường giữa: hàm dưới 1 chấm



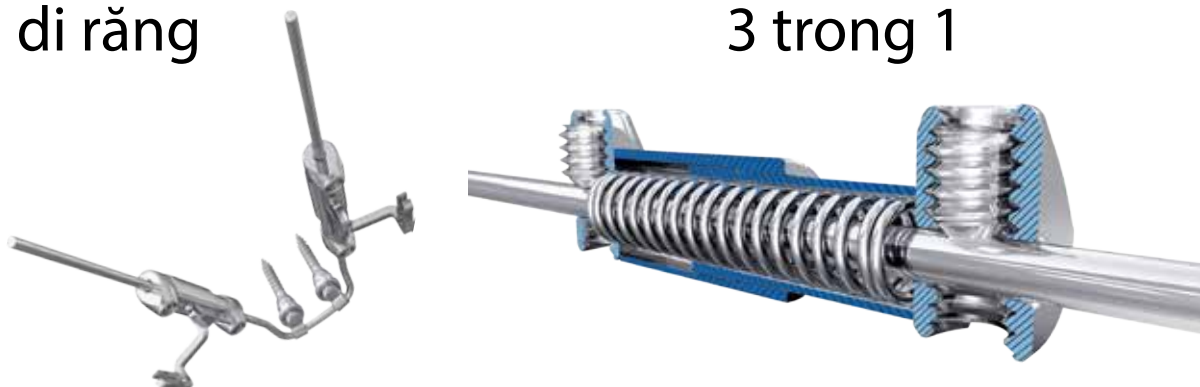
ø	Chiều dài	KT Đường chéo.	REF	Số lượng
0.38 mm / 15			766-121-00	10 dây
0.38 mm / 15			766-121-01	50 dây
0.45 mm / 18			766-123-00	10 dây
0.45 mm / 18			766-123-01	50 dây
0.50 mm / 20			766-125-00	10 dây

CE 0483



Khí cụ di răng

3 trong 1



Di xa, di gần và lưu giữ với 1 khí cụ duy nhất.

Amda® (advanced molar distalization appliance) là khí cụ di xa răng cối hàm trên và vận hành trên cơ chế trượt.

Hệ thống amda® được phát minh bởi GS. BS. Moschos A. Papadopoulos, được Dentaureum hợp tác và phát triển. Tác động do một lò xo Ni-Ti. Khí cụ amda® và phần kết nối trên răng cối có thể điều chỉnh linh hoạt. Điều này mang lại sự uyển chuyển khi điều chỉnh điểm tác dụng lực và việc di chuyển của răng cối.

Khí cụ amda® có thể được cố định trên khung xương hoặc neo chặn ở xương ổ răng.



DENTAURUM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI

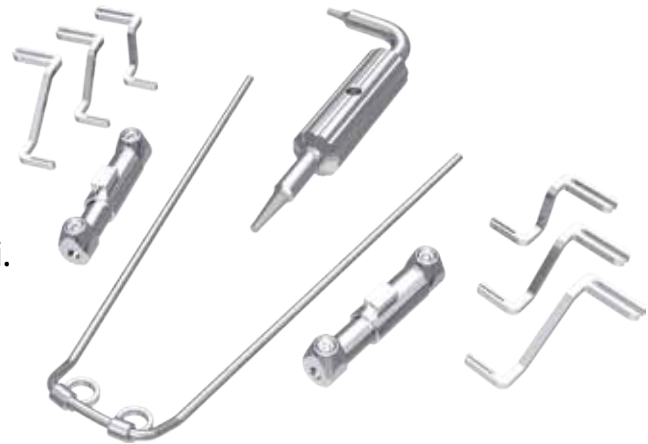


MADE IN
GERMANY

Chỉ định

- Di xa răng cối.
- Di gần răng cối.
- Làm lún răng cửa trước.
- Phối hợp di gần và di xa. Cố định răng cối.
- Lưu giữ răng cối.

NEW



Bộ amda[®] starter (lắp ráp)

Khí cụ neo chặn xương cho việc di xa của răng cối với pin tomas[®] EP.



REF 607-180-00	1 bộ
telescope (2 cái)	REF 607-181-02
connector, pair 7 mm	REF 607-184-07
connector, pair 10 mm	REF 607-184-10
connector, pair 13 mm	REF 607-184-13
palatal arch	REF 607-185-01
1 x Hexagon socket key 0.9	REF 607-129-00

Bản lề nháy khớp Herbst.

An toàn, hiệu quả
và được kiểm chứng lâm sàng.



Phương pháp cổ điển cho khớp cắn loại II

Hệ thống này của Dentaureum bao gồm 4 loại bản lề nháy khớp Herbst cải tiến. Được thiết kế tuyệt hảo nhằm ổn định cơ học cao, chịu lực đáng kể mà vẫn đảm bảo khoảng trống cho răng di chuyển hiệu quả trong điều trị chỉnh nha.

Herbst TS.

Herbst TS được gắn với thanh luồn của cánh tay nối dài, ngăn ngừa bản lề bị trượt đi.

Herbst I.

Bản lề lưu giữ được hàn trên khâu. Dựa trên kinh nghiệm và mục đích của bác sĩ Chỉnh nha, kỹ thuật Herbst của Dentaureum phù hợp việc sử dụng khâu hoặc mào đúc. Điều này tối đa hóa sự linh động và tùy chỉnh trong chỉnh nha.

Herbst II.

Bản lề nháy khớp Herbst cải tiến được dùng với các khí cụ nhiều mắc cài.

Herbst IV.

Bản lề nháy khớp Herbst cải tiến với đầu bi, ổ khớp và kẹp giữ chữ C giúp dịch chuyển sang bên mượt mà.

Giải pháp thông minh này mang lại hướng mới cho việc dịch chuyển hàm dưới khi dùng kỹ thuật Bản lề nháy khớp Herbst cải tiến. Đầu bi và ổ khớp Herbst IV càng giúp bệnh nhân dễ chịu hơn.

Kẹp giữ chữ C tránh mất thời gian thay ốc vặn. Điều này làm cho dễ sử dụng và an toàn khi chỉnh nha.



DENTAURUM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI



MADE IN
GERMANY

Bộ SUS² starter



REF 607-140-01	1 bộ
----------------	------

CE 0483

Bao gồm:

2 x SUS ² telescope elements	REF 607-147-00
2 x SUS ² telescope rod, lắp ráp	REF 607-148-00
2 x SUS ² ball retainer clasps, ø 1.0 mm	REF 607-136-00
2 x SUS ² turbo spring (thép không gỉ), chiều dài 22 mm	REF 607-146-00
2 x Spacer rings, crimpable, chiều dài 1 mm	REF 607-103-11
2 x Spacer rings, crimpable, chiều dài 2 mm	REF 607-104-11
1 x Hexagon socket key	REF 607-144-00



Bộ Herbst IV

Với đầu bi.

Dùng để hàn trên khâu hoặc máng nhai đúc. Di chuyển sang bên mượt mà. Nó được lưu giữ trên để có sử dụng khóa Washer. Không có ốc lưu giữ và không bị mất ốc thường xuyên. Bệnh nhân cực kỳ thoải mái.

REF 607-115-00	1 bộ
----------------	------

CE 0483

Bao gồm:

- 2 x telescopic tube with ball and socket joint
- 2 x telescopic rods with ball head
- 2 x coupling for ball head
- 4 x bases
- 10 x C - clip, lock washer

Mũi khoan Carbide Có thể tiết trùng được

Dùng để loại bỏ vật liệu dán thừa. Trục: 2.35 mm; Tốc độ đề nghị: 40.000 vòng/phút



Hình dạng	Mã	Số lượng	Mã	Số Lượng
Mịn	123-604-00	1 cây	123-604-30	10 cây
Thô	123-603-00	1 cây	123-603-30	10 cây

CE 0483



Sáp bảo vệ

Dùng để giảm bớt sự kích ứng do mắc cài và dây buộc. Hình thức đóng gói: 50 hộp với 5 cây mỗi hộp.

Màu: Trắng

REF 124-305-00	50 x 5 cây
----------------	------------

CE

Châm xoay Dentalastics®

Dùng để xoay răng riêng lẻ.



Màu	Mã	Số lượng
Xám	774-003-00	100 cái
Trong suốt	774-000-00	100 cái

CE 0483



Khí cụ headgear lực kéo cao dùng trong kỹ thuật chụp cằm

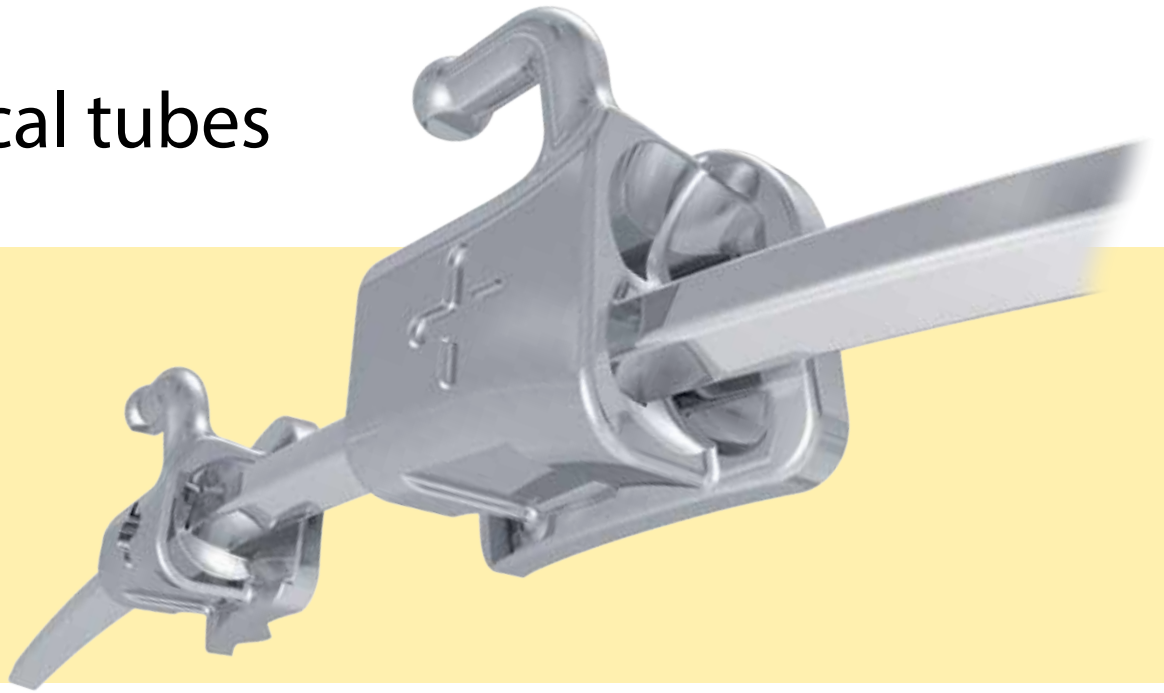
Phù hợp cho tất cả các kích cỡ đầu và cằm. Đường kết nối chạy giữa đầu cằm và khớp thái dương.

Chỉ định:

- Dùng cho điều trị sớm của khớp cắn loại III
- Với khuynh hướng cắn chéo ở một hoặc toàn bộ răng cửa

Mũ trùm	Màu	Mã	Số lượng
Đàn hồi, có lỗ, không thấm nước	Xanh dương	744-705-00	1 cái
Cứng, móc gắn bên ngoài, không thấm nước	Xanh dương	744-709-00	1 cái

Buccal tubes



Hoàn hảo về chức năng và thiết kế.

Giống như mắc cài Dentaureum, các ống gắn được tạo ra bằng cách sử dụng kỹ thuật thiết kế và sản xuất tiên tiến, hiện đại. Tùy thuộc vào vật liệu, các ống này có thể được sử dụng với các biến thể khác nhau - từ ống đơn không chuyển đổi đến các kết hợp 3 thành phần phức tạp hơn. Điều này cho phép linh hoạt hơn trong quá trình điều trị. Hầu hết các ống đều thích hợp cho kỹ thuật dây cung cũng như kỹ thuật đặt khâu. Trong dịch vụ hàn trước (prewelding service), các ống có thể được hàn vào các khâu theo yêu cầu của bạn. Ortho-Cast™ M-Series là thể hệ mới nhất của ống gắn với các đặc tính xử lý hoàn hảo. Với một rãnh định vị trên đế và một rãnh phụ cho các kẹp định vị, việc đặt các ống trở nên cực kỳ dễ dàng. Lối vào hình phễu đảm bảo luồn dây dễ dàng. M-Series cũng có sẵn như M-Series Mini cho răng hàm thứ 2.



DENTAUREUM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI



MADE IN
GERMANY

Ortho-Cast™ M-Series 18/22

non-convertible · số lượng: 10 ống



Răng	Torque	Distal Offset	Hook	Chiều rộng	REF(18)	REF (22)	Hệ thống
16	-14°	14°	•	3.3 mm	818-211-16	822-211-16	Roth
26	-14°	14°	•	3.3 mm	818-211-26	822-211-26	Roth
16	-14°	10°	•	3.3 mm	818-212-16	822-212-16	MBT**
26	-14°	10°	•	3.3 mm	818-212-26	822-212-26	MBT**



Răng	Torque	Distal Offset	Hook	Chiều rộng	REF(18)	REF (22)	Hệ thống
46	- 30°	4°	•	3.3 mm	818-211-46	822-211-46	Roth
36	- 30°	4°	•	3.3 mm	818-211-36	822-211-36	Roth
46	- 20°	0°	•	3.3 mm	818-212-46	822-211-46	MBT**
36	- 20°	0°	•	3.3 mm	818-212-36	822-211-36	MBT**

CE 0483

Slot 18: 0.46 x 0.64 mm / 18 x 25

Slot 22: 0.56 x 0.70 mm / 22 x 28

** Cách đóng gói mắc cài Dentaureum này không giống như các loại khác, cũng không là gợi ý của Dentaureum mà tất cả được xác nhận bởi Drs. McLaughlin, Bennett and Trevisi.

Ortho-Cast™ M-Series 22

convertible · số lượng: 10 ống



Răng	Torque	Distal Offset	Hook	Chiều rộng	REF(18)	REF (22)	Hệ thống
16	- 14°	10°	•	3.3 mm		822-112-16	MBT**
26	- 14°	10°	•	3.3 mm		822-112-26	MBT**



Răng	Torque	Distal Offset	Hook	Chiều rộng	REF(18)	REF (22)	Hệ thống
46	- 20°	0°	•	3.3 mm		822-112-46	MBT**
36	- 20°	0°	•	3.3 mm		822-112-36	MBT**

Ortho-Cast™ 18/22

non-convertible · số lượng: 10 ống



Răng	Torque	Distal Offset	Hook	Chiều rộng	REF(18)	REF(22)	Hệ thống
17-16	- 14°	10°	•	4.0 mm	724-232-51	724-214-51	MBT**
26-27	- 14°	10°	•	4.0 mm	724-233-51	724-215-51	MBT**

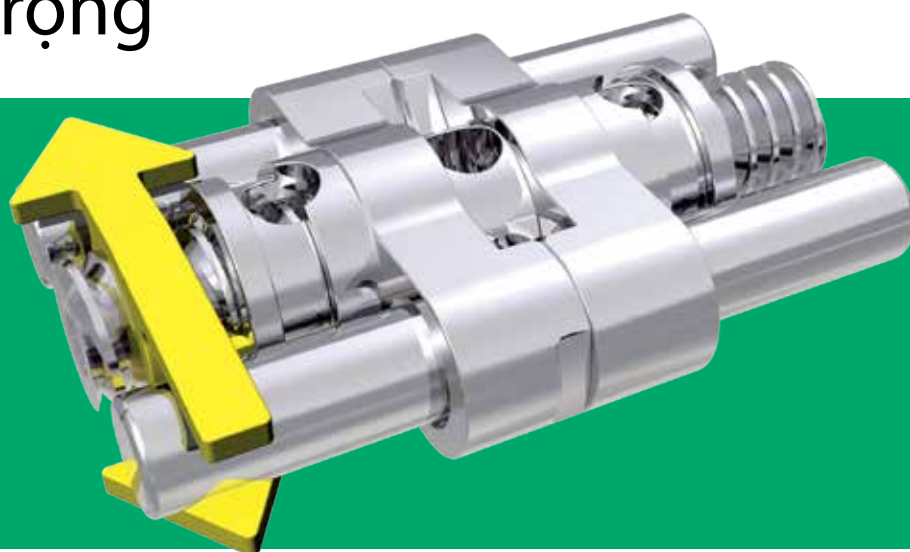
Ortho-Cast™ M-Series mini 18/22

non-convertible · số lượng: 10 ống



Răng	Torque	Distal Offset	Hook	Chiều rộng	REF(18)	REF (22)	Hệ thống
47	- 10°	0°	•	2.5 mm		724-260-51	MBT**
37	- 10°	0°	•	2.5 mm		724-261-51	MBT**
46	- 20°	0°	•	2.5 mm		724-258-51	MBT**
36	- 20°	0°	•	2.5 mm		724-259-51	MBT**
47-46	- 30°	0°	•	2.5 mm	724-252-51	724-256-51	Roth
36-37	- 30°	0°	•	2.5 mm	724-253-51	724-257-51	Roth

Ốc nở rộng

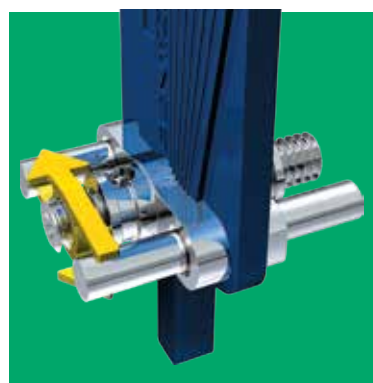


Sản phẩm với nhiều sự lựa chọn.

Các ốc nở rộng bằng thép không gỉ của Dentaureum có nhiều tùy chọn từ ốc nở rộng tiêu chuẩn đến ốc nở rộng đặc biệt và phức tạp hơn. Ốc nở rộng titan hyrax® và rematitan®, vật liệu tương hợp sinh học bằng titanium nguyên chất, đáp ứng đầy đủ các lựa chọn.

Hoàn hảo trong mọi chi tiết.

Các ốc nở rộng của Dentaureum có thể đạt được độ nở rộng lớn phù hợp mặc dù chúng có kích thước nhỏ. Các khóa hãm được gắn sẵn ngăn không cho các ốc tách rời. Độ ma sát chuẩn xác và cơ chế khóa ốc cho phép mở chính xác các ốc và loại bỏ các chuyển động xoay ngược không mong muốn. Cấu trúc các ốc chắc chắn, ổn định có được do độ chính xác cao và chất lượng tuyệt vời. Các lỗ lưu giữ trên thân ốc đảm bảo độ lưu giữ tối ưu trong nền nhựa.





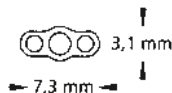
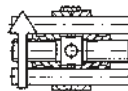
Ốc nở rộng rematitan® trung bình

Vật liệu: Titanium

- Với phần giữ ốc nở rộng hình nón
 - Thiết kế dạng khung
 - Các lỗ trong thân ốc giúp lưu giữ tốt hơn trong nền nhựa
 - Các khóa hãm được gắn sẵn ngăn không cho các ốc tách rời nhau
- Cùng với khóa mở ốc nở rộng thẳng, nhỏ - tiêu chuẩn.

Chỉ định: dùng để nở rộng theo chiều ngang và nở rộng ở hàm trên, hàm dưới.

11 mm



Mở rộng tối đa	4 x 1/4 turn	Mũi tên chỉ hướng	Mã	Số lượng
7.5 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu xanh	600-400-10	1 cái
7.5 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu xanh	600-400-30	10 cái



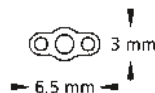
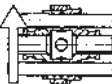
Ốc nở rộng Mini

Vật liệu: Thép không rỉ

- Với phần giữ ốc nở rộng hình nón
 - Thiết kế dạng khung
 - Các lỗ trong thân ốc giúp lưu giữ tốt hơn trong nền nhựa
 - Các khóa hãm được gắn sẵn ngăn không cho các ốc tách rời nhau
- Cùng với khóa mở ốc nở rộng thẳng, nhỏ - tiêu chuẩn.

Chỉ định: dùng để nở rộng theo chiều ngang và nở rộng ở hàm dưới hoặc đặc biệt là nở rộng hàm trên hẹp.

10 mm



Mở rộng tối đa	4 x 1/4 turn	Mũi tên chỉ hướng	Mã	Số lượng
6.5 mm	= 0.7 mm	Nhựa, màu trắng	600-300-10	1 cái
6.5 mm	= 0.7 mm	Nhựa, màu trắng	600-300-30	10 cái
6.5 mm	= 0.7 mm	Nhựa, màu trắng	600-300-60	100 cái



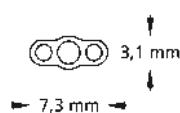
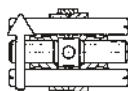
Ốc nở rộng Medium

Vật liệu: Thép không rỉ

- Với phần giữ ốc nở rộng hình nón
 - Thiết kế dạng khung
 - Các lỗ trong thân ốc giúp lưu giữ tốt hơn trong nền nhựa
 - Các khóa hãm được gắn sẵn ngăn không cho các ốc tách rời nhau
- Cùng với khóa mở ốc nở rộng thẳng, nhỏ - tiêu chuẩn.

Chỉ định: dùng để nở rộng theo chiều ngang và nở rộng ở hàm trên và hàm dưới.

11 mm



Mở rộng tối đa	4 x 1/4 turn	Mũi tên chỉ hướng	Mã	Số lượng
7.5 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu vàng	600-301-10	1 cái
7.5 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu vàng	600-301-30	10 cái
7.5 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu vàng	600-301-60	100 cái



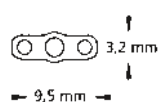
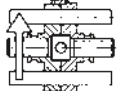
Ốc nở rộng Maxi

Vật liệu: Thép không rỉ

- Với phần giữ ốc nở rộng hình nón
 - Thiết kế dạng khung
 - Các lỗ trong thân ốc giúp lưu giữ tốt hơn trong nền nhựa
 - Các khóa hãm được gắn sẵn ngăn không cho các ốc tách rời nhau
- Cùng với khóa mở ốc nở rộng thẳng, nhỏ - tiêu chuẩn.

Chỉ định: dùng để nở rộng theo chiều ngang và nở rộng ở hàm trên và hàm dưới.

11 mm



Mở rộng tối đa	4 x 1/4 turn	Mũi tên chỉ hướng	Mã	Số lượng
7.5 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu vàng	600-302-10	1 cái
7.5 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu vàng	600-302-30	10 cái
7.5 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu vàng	600-302-60	100 cái





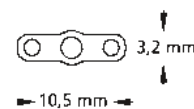
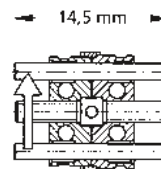
Ốc nới rộng Magnum

Vật liệu: Thép không gỉ

- Với phần giữ ốc nới rộng hình nón
- Thiết kế dạng khung
- Phiên bản: cứng chắc, với thân vít lớn hơn
- Các lỗ trong thân ốc giúp lưu giữ tốt hơn trong nền nhựa
- Các khóa hãm được gắn sẵn ngăn không cho ốc tách rời nhau

Cùng với khóa mở ốc nới rộng thẳng, nhỏ - tiêu chuẩn.

Chỉ định: dùng để nới rộng theo chiều ngang ở hàm trên và làm các khí cụ chỉnh hàm chức năng hai bên hàm trên.



Mở rộng tối đa	4 x 1/4 turn	Mũi tên chỉ hướng	Mã	Số lượng
11.0 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu vàng	600-303-10	1 cái
11.0 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu vàng	600-303-30	10 cái
11.0 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu vàng	600-303-60	100 cái



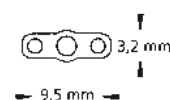
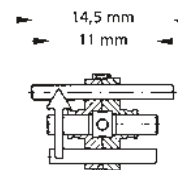
Ốc nới rộng Trapezoidal

Vật liệu: Thép không gỉ

- Với phần giữ ốc nới rộng hình nón
- Thiết kế dạng khung
- Các lỗ trong thân ốc giúp lưu giữ tốt hơn trong nền nhựa
- Các khóa hãm được gắn sẵn ngăn không cho ốc tách rời nhau

Cùng với khóa mở ốc nới rộng thẳng, nhỏ - tiêu chuẩn.

Chỉ định: dùng để nới rộng theo chiều ngang cho các hàm hẹp và kích hoạt ốc trong khí cụ chỉnh hàm chức năng hai bên hàm trên.



Mở rộng tối đa	4 x 1/4 turn	Mũi tên chỉ hướng	Mã	Số lượng
7.5 mm	= 0.8 mm	Nhựa, màu vàng	600-310-30	10 cái



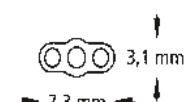
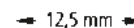
Ốc Sectional Medium

Vật liệu: Thép không gỉ

- Với phần giữ ốc nới rộng hình nón
- Thiết kế dạng khung
- Chốt hướng dẫn: thẳng, với phần đầu lưu giữ dạng nắm
- Các lỗ trong thân ốc giúp lưu giữ tốt hơn trong nền nhựa
- Các khóa hãm được gắn sẵn ngăn không cho ốc tách rời nhau

Cùng với khóa mở ốc nới rộng thẳng, nhỏ - tiêu chuẩn.

Chỉ định: dùng trong khí cụ di xa và chia đoạn, đĩa chữ Y.



Mở rộng tối đa	4 x 1/4 turn	Mũi tên chỉ hướng	Mã	Số lượng
6.0 mm	= 0.4 mm	Nhựa, màu vàng	600-500-10	1 cái
6.0 mm	= 0.4 mm	Nhựa, màu vàng	600-500-30	10 cái
6.0 mm	= 0.4 mm	Nhựa, màu vàng	600-500-60	100 cái



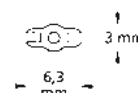
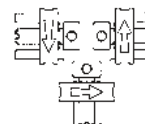
Ốc chỉnh theo 3 hướng kết hợp với khí cụ Bertoni – (Loại A)

Vật liệu: Thép không gỉ

- Tăng cường hướng dẫn nới rộng
- 3 hướng di chuyển được điều khiển độc lập
- Độ nới rộng như nhau ở các phân đoạn

Với khóa mở ốc nới rộng thẳng, nhỏ - tiêu chuẩn.

Chỉ định: dùng trong kết hợp di chuyển hàm ra trước và sang bên với đĩa chữ Y.



Mở rộng tối đa	4 x 1/4 turn	Mũi tên chỉ hướng	Mã	Số lượng
4.0 mm/Segment	= 0.35 mm/Segment	in màu vàng - xanh	602-605-10	1 cái





Ốc nở rộng Fan-type

Vật liệu: Thép không gỉ

- Với phần giữ ốc nở rộng lớn
 - Các phần của đĩa được mở theo kiểu quạt gió
- Cùng với khóa mở ốc nở rộng thẳng, nhỏ - tiêu chuẩn.
Chỉ định: dùng để nở rộng hàm phía trước hoặc phía sau.

→ 12 mm →



Mở rộng tối đa	4 x 1/4 turn	Mũi tên chỉ hướng	Mã	Số lượng
7.0 mm	= 0.8 mm	in màu vàng - xanh	606-600-00	1 cái
7.0 mm	= 0.8 mm	in màu vàng - xanh	606-600-30	10 cái



Ốc nở rộng Variety Maxi – 12

Dùng cho kỹ thuật cố định. Có thể được sử dụng rộng rãi ở hàm trên và hàm dưới, dùng cho di xa và di gần răng sau, hoặc đóng khoảng bằng cách dịch chuyển từng răng riêng lẻ. Cũng được dùng trong nở rộng khẩu cái.

- Kích thước nhỏ với khả năng nở rộng tối đa
- Không hàn
- Có chân lưu giữ kháng lại lực gãy và phần hướng dẫn ổn định suốt quá trình nở rộng hoàn toàn
- Tích hợp ma sát ở trục quay nhằm ngăn việc xoay ngược không mong muốn
- Mũi tên khắc laser vĩnh viễn trên thân ốc cho biết hướng mở và khoảng nở rộng tối đa
- Ốc có thể được buộc lại một khi đã đạt được sự mở rộng mong muốn

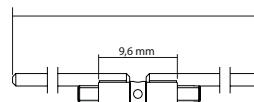
Cùng với khóa an toàn.

Thân ốc: 9.6 mm

Mở rộng tối đa: 12.0 mm

4 x 1/4 turn: = 0.8 mm

Vật liệu: Thép không gỉ



Chân lưu giữ	Mã	Số lượng	Mã	Số lượng
Thẳng	602-806-10	1 cái	602-806-30	10 cái



hyrax® Mini – 7

Dùng tách đường tiếp giáp giữa xương khẩu cái bằng các thành phần của khí cụ cố định.

- Các khóa dừng được xây dựng ngăn không cho ốc tách ra một khi đạt được sự mở rộng tối đa

- Kích thước nhỏ với khả năng mở rộng tối đa
- Không hàn
- Có chân lưu giữ kháng lại lực gãy và phần hướng dẫn ổn định suốt quá trình nở rộng hoàn toàn

- Tích hợp ma sát ở trục quay nhằm ngăn việc xoay ngược không mong muốn
- Mũi tên khắc laser vĩnh viễn trên thân ốc cho biết hướng mở và khoảng mở rộng tối đa
- Ốc có thể được buộc lại một khi đã đạt được sự mở rộng mong muốn

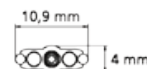
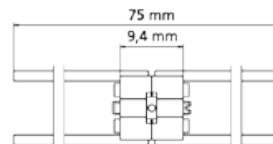
Với khóa an toàn.

Thân ốc: 9.4 mm

Mở rộng tối đa: 7.0 mm

4 x 1/4 turn: = 0.8 mm

Vật liệu: Thép không gỉ



Chân lưu giữ	Mã	Số lượng	Mã	Số lượng
Thẳng	602-800-10	1 cái	602-800-30	10 cái
Cong	602-801-10	1 cái	602-801-30	10 cái



hyrax® Medium – 10

Dùng tách đường tiếp giáp giữa xương khẩu cái bằng các thành phần của khí cụ cố định.

- Các khóa dùng được xây dựng ngăn không cho ốc tách ra một khi đạt được sự mở rộng tối đa.
- Kích thước nhỏ với khả năng mở rộng tối đa.
- Không hàn.
- Có chân lưu giữ kháng lại lực gãy và phần hướng dẫn ổn định suốt quá trình nở rộng hoàn toàn.
- Phần thân được thiết kế để có thể tạo độ nghiêng sớm nhất cho các chân lưu giữ.
- Tích hợp ma sát ở trục quay nhằm ngăn việc xoay ngược không mong muốn.
- Mũi tên khắc laser vĩnh viễn trên thân ốc cho biết hướng mở và khoảng mở rộng tối đa.
- Ốc có thể được buộc lại một khi đã đạt được sự mở rộng mong muốn.

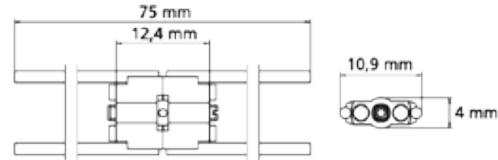
Với khóa an toàn.

Thân ốc: 12.4 mm.

Mở rộng tối đa: 10.0 mm.

4 x 1/4 turn: = 0.8 mm.

Vật liệu: Thép không gỉ.



Chân lưu giữ	Mã	Số lượng	Mã	Số lượng
Thẳng	602-808-10	1 cái	602-808-30	10 cái



hyrax® click Mini – 7

Ốc RPE với tính năng “Click” nhằm ngăn việc xoay ngược không mong muốn.

Có chân lưu giữ kháng lại lực gãy và phần hướng dẫn ổn định suốt quá trình nở rộng hoàn toàn

- Khóa ốc tối ưu trong suốt giai đoạn điều trị
- Các khóa hãm được xây dựng ngăn không cho ốc tách ra một khi đạt được sự mở rộng tối đa.
- Không hàn
- Kích hoạt/hủy kích hoạt của ốc với cảm nhận rõ ràng “Click” sau 1/4 vòng
- Không có việc xoay ngược trong suốt quá trình kích hoạt vì khóa giữ an toàn đã được kéo ra
- Kích thước nhỏ với khả năng mở rộng tối đa
- Mũi tên khắc laser vĩnh viễn trên thân ốc cho biết hướng mở và khoảng mở rộng tối đa

Với khóa an toàn.

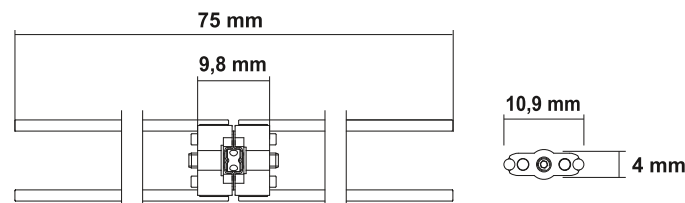
Thân ốc: 9.8 mm

Mở rộng tối đa: 7.0 mm

4 x 1/4 turn: = 0.8 mm

Vật liệu: Thép không gỉ

Chân lưu giữ	Mã	Số lượng	Mã	Số lượng
Thẳng	602-830-10	1 cái	602-830-30	10 cái
Cong	602-831-10	1 cái	602-831-30	10 cái





Bộ vật liệu nhựa chính nha Orthocryl®

REF 161-912-00	1 bộ
----------------	------

CE 0483

Bao gồm:

1 kg bột Orthocryl® (polymer), trong	REF 160-112-00
500 ml nước Orthocryl® (monomer), trong	REF 161-100-00
1000 ml Separating medium	REF 162-800-00
2 x Spray bottle	REF 162-100-00
1 x Measuring beaker	REF 162-200-00
1 x Funnel	REF 162-600-00
1 x Spray nozzle for powder (polymer)	REF 162-751-00
1 x Spray nozzle for liquid (monomer)	REF 162-752-00



Orthocryl® Hũ bột nhỏ (polymer) và dung dịch (monomer)

Màu sắc	Mã	Số lượng
Hồng trong suốt	160-501-00	200 g + 100 ml
Trong	160-502-00	200 g + 100 ml

CE



Orthocryl® Hũ bột nhỏ (polymer) và dung dịch (monomer)

REF 160-600-00	1 bộ
----------------	------

CE 0483

Bao gồm:

1 kg bột Orthocryl® (polymer), trong	REF 160-112-00
250 ml nước Orthocryl® (monomer), đỏ	REF 161-127-00
250 ml nước Orthocryl® (monomer), xanh lá	REF 161-128-00
250 ml nước Orthocryl® (monomer), xanh dương	REF 161-129-00
250 ml nước Orthocryl® (monomer), vàng	REF 161-130-00
1 x Funnel	REF 162-600-00



Orthocryl® Disco glitter

Dùng để tô điểm cho các khí cụ tháo lắp. Bột kim tuyến được thêm vào để làm cho bột Orthocryl® (polymer) tạo ra được các khí cụ sinh động hơn. Không cần thay đổi nào trong xử lý Orthocryl®. Các khí cụ có thể được hoàn tất và đánh bóng mà không gặp khó khăn.

Tỷ lệ pha trộn:

0.5 : 100 (bột glitter : bột)

Màu	Mã	Số lượng
Nâu xám	161-605-00	50 g
Đỏ	161-606-00	50 g
Xanh dương	161-607-00	50 g
Bạc	161-608-00	50 g
Vàng	161-609-00	50 g
Ngọc trai	161-611-00	50 g



Novel designs /Assortment

Dùng để đặt trong các khí cụ chỉnh nha. Để trùng hợp vào nền nhựa Orthocryl®, cho phép các khí cụ chỉnh nha tháo lắp được chế tạo phù hợp với sở thích từng bệnh nhân.

Đóng gói:

Bộ đầy đủ bao gồm 20 kiểu, mỗi kiểu 20 miếng = 400 miếng, cộng thêm kẹp gấp.

REF 160-100-00	1 bộ
----------------	------



Bao gồm:

20 x Crocodile	REF 160-100-01
20 x Frog	REF 160-100-02
20 x Parrot	REF 160-100-04
20 x Ladybug	REF 160-100-05
20 x Dragon	REF 160-100-06
20 x Fish	REF 160-100-07
20 x Formula I (Indy Racecar)	REF 160-100-09
20 x Elephant	REF 160-100-10
20 x Heart	REF 160-100-11
20 x Duck	REF 160-100-12
20 x Dinosaur	REF 160-100-13
20 x Motorcycle	REF 160-100-14
20 x Snail	REF 160-100-15
20 x Teddybear	REF 160-100-16
20 x Mushrooms	REF 160-100-18
20 x Car	REF 160-100-19
20 x Raven	REF 160-100-27
20 x Devil	REF 160-100-29
20 x Soccer Player	REF 160-100-31
20 x Mouse	REF 160-100-45



Bát trộn làm bằng silicone

Linh hoạt, với đế hút chân không. Dùng cho tất cả công việc trộn trong thực hành và thí nghiệm. Không sử dụng với vật liệu silicone.

Sức chứa	Mã	Số lượng
5 ml	162-501-00	3 cái
25 ml	162-502-00	1 cái
75 ml	162-503-00	1 cái

Dung dịch cách ly

Chất cách ly đặt biệt làm từ alginate tạo thành 1 màng mỏng phân cách, kháng mòn.

Dùng cách ly:

Thạch cao và nhựa

Thạch cao và thạch cao

Màu	Mã	Số lượng
Hồng	162-800-00	1000 ml



Polyclav®

Lò áp suất để trùng hợp nhựa làm lạnh như là Orthocryl®.

Với van an toàn. Không bao gồm vòi áp suất.

Sức chứa: 4 lít.

REF 070-000-00	1 cái
----------------	-------



Ống áp suất

Dùng cho Polyclav® (REF 070-000-00).

Chiều dài: 2 m

Với đầu cắm để phù hợp với van đầu vào và kết nối tiêu chuẩn cho lỗ cắm khí nén.

REF 070-700-00	1 cái
----------------	-------



Heating plate

Dùng cho Polyclav® (REF 070-000-00).

Điện áp 230 V~	REF 070-900-00
----------------	----------------

Thông số kỹ thuật

Công suất	125 W
Bộ điều chỉnh nhiệt độ nước	43 °C / 109.4 °F
Tần số điện áp	50 Hz
Trọng lượng	2.6 kg
Kích thước (W x H x D)	240 x 240 x 75 mm



Titanium retainer wire, Loại 1

Dùng cho hàm trên và hàm dưới, có 3 dây xoắn

Loại 1 được sản xuất với lượng oxy rất thấp, có độ mềm mại tương đối và dễ thích nghi với môi trường lạnh

Đường kính	Chiều dài	KT đường kéo	Mã	Số lượng
0.44 mm / 17	50 mm		528-001-01	10 dây
0.50 mm / 20	50 mm		528-000-01	10 dây

CE 0483



Cuộn dây remanium®, tròn

Phân loại độ bền: dây đàn hồi cao · 1800–2000 N/mm²

Đường kính	Chiều dài	Đường chéo	Mã	Số lượng
0.60 mm / 23	225 m		524-060-00	1 cuộn
0.70 mm / 28	165 m		524-070-00	1 cuộn
0.80 mm / 31	125 m		524-080-00	1 cuộn
0.90 mm / 36	100 m		524-090-00	1 cuộn
1.00 mm / 39	80 m		524-100-00	1 cuộn
1.10 mm / 43	70 m		524-110-00	1 cuộn

CE 0483



Cuộn dây remanium®, tròn

Phân loại: độ bền cao · 1400–1600 N/mm²

Đường kính	Chiều dài	Đường chéo	Mã	Số lượng
0.70 mm / 28	165 m		514-070-00	1 cuộn
0.80 mm / 31	125 m		514-080-00	1 cuộn
0.90 mm / 36	100 m		514-090-00	1 cuộn
1.00 mm / 39	80 m		514-100-00	1 cuộn

CE 0483

Chỉnh nha kỹ thuật số



DENTAURUM

CHẤT LƯỢNG ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI



MADE IN
GERMANY



Like us on Facebook!



You Tube

Visit us on YouTube!

D
DENTAURUM

Turnstr. 31 | 75228 Ispringen | Germany | Phone +49 7231 / 803-0 | Fax +49 7231 / 803-295
www.dentaurum.com | info@dentaurum.com

Tập đoàn Dentaureum

Germany | Benelux | España | France | Italia | Switzerland | Australia | Canada | USA
và hơn 130 quốc gia trên thế giới.



DENTAURUM
CHẤT LƯỢNG
ĐỘC ĐÁO
TRÊN TOÀN
THẾ GIỚI

➔ For more information on our products and services, please visit www.dentaureum.com

Date of information: 06/16

Subject to modifications



www.dentaureum.com



CÔNG TY TNHH NHA KHOA THÁI BÌNH DƯƠNG

Văn phòng tại TP. HCM

Địa chỉ: 22 - 24 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 39112 170 - Fax: (028) 39112 171

Văn phòng tại TP. Hà Nội

Địa chỉ: Số 14 Lô M1 - Khu ĐTM Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3773 3138 - Fax: (024) 6282 2441